TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 09- 02 -2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Tất Linh
Bà Lê Thị Thúy Phượng

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Phan Thị X,** sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định.

Nơi đăng ký thường trú: ấp TH, xã TH, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long.

Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn H và bà Võ Bạch H.

Bị cáo không có chồng; có 01 người con tên Phan Ngọc Gia H, sinh năm 2011.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 29/7/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân (TAND) Quận X, Thành phố H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và buộc nộp án phí hình sự sơ thẩm (HSST) 200.000 đồng tại bản án số 93/2011/HSST, bị cáo X đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa nộp án phí, nên chưa được xóa án tích.

Ngày 24/9/2012, bị cáo bị TAND Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 162/2012/HSST. Tổng hợp hình phạt với bản án số 80/2012/HSST ngày 30/5/2012

của TAND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù, buộc bị cáo chấp hành hình phạt C của hai bản án là 06 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và buộc bị cáo X nộp án phí HSST là 200.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 04 năm 06 tháng tù của bản án số 80/2012/HSST, còn hình phạt 02 năm tù của bản án số 162/2012/HSST chưa chấp hành và bị cáo X cũng chưa nộp tiền án phí, nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/01/2021 theo Lệnh tạm giam của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Bến Tre.

Hiện nay bị cáo đang thi hành án tại trại giam LH, tỉnh Long An - Bộ Công an theo bản án số 31/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Thị Đầm C, sinh năm 1978 tại tỉnh TN.

Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: số nhà 266/40/37/14 đường TĐ, Phường x, Quận y, Thành phố H.

Tạm trú: số nhà 35/7/1D đường VQ, Phường TT, Quận N, Thành phố H.

Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam .

Con ông Trần Văn B và bà Trần Thị K (chết).

Chồng: Phạm Công D, sinh năm: 1975; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm: 1997, nhỏ nhất sinh năm: 2003.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án

Ngày 30/5/2012, bị cáo bị TAND Quận N, Thành phố H xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án hình sự sơ thẩm số 80/2012/HS-ST ngày 30/5/2012 và Bản án hình sự phúc thẩm số 502/2012/HSPT ngày 29/8/2012 của TAND Thành phố H; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/9/2015 nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/01/2022 đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*:

Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh ngày 12/7/2000; địa chỉ: ấp LV, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Anh Thạch Thái B, sinh năm 1995; địa chỉ: số nhà 35/7/1E đường VQ, Phường TT, Quận N, TP. H (có mặt).

- *Người làm chứng*:

Chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Anh Lê Minh N, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp TL, xã SĐ, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố x, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp TT, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị cáo Trần Thị Đầm C và Phan Thị X cùng với 02 người đàn ông tên C và M (không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể) đi đến tỉnh Bến Tre để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày cả nhóm đến cửa hàng áo cưới "Q" tại ấp LH, xã LT, huyện CL, tỉnh Bến Tre do chị Nguyễn Thị Thúy Q làm chủ. C và M dừng xe trước cửa tiệm chờ sẵn, còn bị cáo C và X đi vào bên trong tiệm, bị cáo C giả vờ xin thử áo dài nên chị Nguyễn Thị Thúy A là nhân viên của tiệm dẫn bị cáo C đi thử quần áo, còn bị cáo X lục tìm tài sản để lấy trộm và nhìn thấy có 02 cái ví (bóp) cầm tay nữ màu hồng của chị Thúy A để trên ghế sôfa nên đến lấy. Bị cáo X vừa lấy tài sản xong, bị cáo C nhìn thấy và cả hai cùng đi ra ngoài lên xe để C và M chở đi. Lúc này bị mọi người phát hiện truy đuổi bắt giữ bị cáo X và bị cáo C giao cho Công an xã LT xử lý, còn Minh và C tẩu thoát.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐG ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện CL xác định giá trị 01 cái ví (bóp) cầm tay loại ví nữ, màu hồng, có dây kéo màu vàng, dây kéo có gắn móc khóa hình cỏ ba lá màu đen, được mua vào tháng 10 năm 2019 với giá 90.000 đồng. Tài sản nêu trên đã thu hồi, kết quả định giá cái ví có giá trị 75.000 đồng và 01 cái ví cầm tay, loại ví nữa, màu hồng, có nút gài, được mua vào tháng 10 năm 2019 với giá 45.000 đồng. Tài sản trên được thu hồi, kết quả định giá có giá trị 35.000 đồng. Tổng cộng: 110.000 đồng và số tiền mặt 760.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 870.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện CL đã thu giữ và trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Thúy A số tiền 760.000 đồng, 01 cái ví (bóp) màu hồng đã qua sử dụng.

Riêng 07 tờ vé số trong đó có 02 tờ của chị Thúy A nhưng không nhớ đặc điểm, không trúng thưởng, không yêu cầu nhận lại chuyển theo hồ sơ để xử lý.

Đối với 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng, 05 tờ vé số còn lại, 02 hợp đồng thế chấp tài sản, 02 hợp đồng cầm đồ, số tiền

14.323.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị Đầm C chuyển theo hồ sơ để xử lý.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cấp ngày 18/12/2015 mang tên Thạch Thái B và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại LUVIAS F1, màu sơn xanh xám, biển số 83P2-541.57, số khung RLCL1SK10FY033762, số máy 1SK1033773 thuộc sở hữu của anh Thạch Thái B.

Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu HUAWEI màu đỏ, kiểu DUB-LX2, không có sim, số IMEI: 867615045028385 đã qua sử dụng, không xác định được chủ sở hữu nên chuyển theo vụ án để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Phần dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị Thúy A đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác nên không xem xét.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị X và bị cáo Trần Thị Đầm C đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Thúy A.

Bản cáo trạng số: 05/CT-VKSCL ngày 10/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo Phan Thị X và bị cáo Trần Thị Đầm C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản thiệt hại có giá trị không lớn được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phan Thị X và bị cáo Trần Thị Đầm C phạm tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58, 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Phan Thị X từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 31/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo chấp hành.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2021.

Hình phạt bổ sung: không.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Đầm C từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của bản án số 31/2021/HS-ST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo chấp hành.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Hình phạt bổ sung: không.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận Cơ quan điều tra Công an huyện CL đã thu giữ và trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Thúy A số tiền 760.000 đồng, 01 cái ví (bóp) màu hồng đã qua sử dụng.

Riêng 07 tờ vé số trong đó có 02 tờ của chị Thúy A nhưng không nhớ đặc điểm, không trúng thưởng, chị Thúy A không yêu cầu nhận lại, đề nghị chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng, 05 tờ vé số còn lại, 02 hợp đồng thế chấp tài sản, 02 hợp đồng cầm đồ, số tiền 14.323.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị Đầm C. Tại phiên tòa, bị cáo C yêu cầu được nhận lại 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng và số tiền 14.323.000 đồng là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo C. Đối với 05 tờ vé số còn lại, 02 hợp đồng thế chấp tài sản, 02 hợp đồng cầm đồ đã không còn giá trị sử dụng, bị cáo C không yêu cầu nhận lại đề nghị chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cấp ngày 18/12/2015 mang tên Thạch Thái B và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại LUVIAS F1, màu sơn xanh xám, biển số 83P2-541.57, số khung RLCL1SK10FY033762, số máy 1SK1033773 do anh Thạch Thái B đứng tên chủ sở hữu. Việc bị cáo C sử dụng chiếc xe nêu trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì anh B không biết (bị cáo C cũng thừa nhận vấn đề này). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy và 01 xe mô tô nêu trên cho anh B.

Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu HUAWEI màu đỏ, kiểu DUB-LX2, không có sim, số IMEI: 867615045028385 đã qua sử dụng, không xác định được chủ sở hữu nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận: bị hại Nguyễn Thị Thúy A không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Các bị cáo không tranh luận. Anh B không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng (bị hại, người làm chứng) tại phiên tòa là không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 12 giờ ngày 14 tháng 11 năm 2019, bị cáo Trần Thị Đầm C và bị cáo Phan Thị X đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của chị Thúy A tổng giá trị tài sản là 870.000 đồng (gồm tiền mặt 760.000 đồng và trị giá tài sản là 110.000 đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo cũng thừa nhận việc lấy trộm tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Điều này cũng phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời trình bày của bị hại, người làm chứng. Do đó, có cơ sở xác định xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác dẫn đến việc phạm tội.

Như vậy, việc các bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị Thúy A là lỗi cố ý trực tiếp. Tuy tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá là 870.000 đồng nhưng tại thời điểm phạm tội các bị cáo đã bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Cho nên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Phan Thị X và Trần Thị Đầm C phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội.

Các bị cáo X và Đầm C nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả xảy ra nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, xem thường pháp luật, xâm phạm đến tài sản của người khác mà phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể với nhau. Trong đó, bị cáo Đầm C là người giúp sức, tạo điều kiện cho bị cáo X lấy trộm tài sản; bị cáo X là người thực hành để cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thu lợi bất chính nên các bị cáo Đầm C, X là đồng phạm giản đơn được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi và hậu quả do mình gây ra. Điều đó cũng nhằm phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay nên đối với hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo Phan Thị X: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân không tốt. Cụ thể, ngày 29/7/2011, bị cáo bị TAND Quận A, Thành phố H xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo X đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng nên chưa được xóa án tích.

Ngày 24/9/2012, bị cáo X bị TAND Quận N, Thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tại bản án số 162/2012/HSST). Tổng hợp hình phạt của bản án số 80/2012/HSST ngày 30/5/2012 của TAND Quận N, Thành phố H, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và buộc bị cáo X nộp án phí HSST là 200.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo X đã chấp hành xong hình phạt 04 năm 06 tháng tù của bản án số 80/2012/HSST, còn hình phạt 02 năm tù của bản án số 162/2012/HSST chưa chấp hành và bị cáo X cũng chưa nộp án phí, nên chưa được xóa án tích.

Đối với bị cáo Trần Thị Đầm C: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân không tốt. Cụ thể, ngày 30/5/2012 bị cáo bị TAND Quận N, Thành phố H xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", sau đó bị cáo kháng cáo, TAND Thành phố H xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/9/2015, về phần án phí bị cáo chưa thi hành nên chưa được xóa án tích.

Sau khi chấp hành án, các bị cáo không biết ăn năn, hối hận về hành vi của mình. Đến ngày 14 tháng 11 năm 2019, các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Thúy A (trong khi các bị cáo chưa được xóa án tích). Ngoài tình tiết định khung hình phạt, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận với lỗi lầm của mình, các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Kiểm sát viên cũng đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cho các bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Qua phân tích các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với nhận định, phân tích của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại chị Thúy A không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại khác, đây là sự tự nguyện của chị Thúy A nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Thúy A số tiền 760.000 đồng, 01 cái ví (bóp) màu hồng đã qua sử dụng.

Đối với 07 tờ vé số trong đó có 02 tờ của chị Thúy A nhưng không nhớ đặc điểm không trúng thưởng, không yêu cầu nhận lại nên chuyển lưu hồ sơ.

Đối với 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng, 05 tờ vé số còn lại, 02 hợp đồng thế chấp tài sản, 02 hợp đồng cầm đồ, số tiền 14.323.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo Trần Thị Đầm C. Tại phiên tòa, bị cáo C yêu cầu được nhận lại số tiền 14.323.000 đồng; 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng vì cho rằng đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra bị hại trình bày bị mất tài sản là số tiền 760.000 (đã nhận lại). Do đó, số tiền 14.323.000 đồng; 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng không liên quan trong vụ án nên cần trả cho bị cáo C là phù hợp. Đối với 05 tờ vé số còn lại, 02 hợp đồng thế chấp tài sản, 02 hợp đồng cầm đồ thuộc sở hữu của bị cáo C nhưng không còn giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên chuyển lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cấp ngày 18/12/2015 mang tên Thạch Thái B và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại LUVIAS F1, màu sơn xanh xám, biển số 83P2-541.57, số khung RLCL1SK10FY033762, số máy 1SK1033773 do anh Thạch Thái B đứng tên chủ sở hữu. Tại phiên tòa, anh B trình bày không biết việc bị cáo Đầm C lấy chiếc xe nêu trên của anh đi trộm cắp tài sản nên anh B đề nghị được nhận lại chiếc xe. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa bị cáo C trình bày thống nhất lời trình bày của anh B về việc bị cáo không hỏi mượn chiếc xe biển số 83P2-541.57 của anh B để đi trộm tài sản của chị Thúy A, cũng như anh B không biết việc bị cáo Đầm C lấy chiếc xe nêu trên của anh B đi trộm cắp tài sản. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh B, trả cho anh B 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cấp ngày 18/12/2015 mang tên Thạch Thái B và chiếc xe biển số 83P2-541.57 số khung RLCL1SK10FY033762, số máy 1SK1033773 do anh Thạch Thái B đứng tên chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu HUAWEI màu đỏ, kiểu DUB-LX2, không có sim, số IMEI: 867615045028385 đã qua sử dụng, không xác định được chủ sở hữu nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với đối tượng tên C và M, qua xác minh không xác định được nhân thân, lai lịch nên không tiến hành làm việc được. Khi nào tiến hành làm việc được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Phan Thị X, Trần Thị Đầm C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị X 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 23/4/2012 đến ngày 29/4/2012 theo bản án số 31/2021/HSST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân huyện MC, tỉnh Bến Tre. Tổng hợp hình phạt bị cáo X phải chấp hành là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Đầm C 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù theo bản án số 31/2021/HSST ngày 26/10/2021 của Tòa án nhân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tổng hợp hình phạt bị cáo Đầm C phải chấp hành là 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị hại Nguyễn Thị Thúy A đã nhận lại số tiền 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ngàn đồng), 01 cái ví (bóp) màu hồng đã qua sử dụng và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trao trả cho bị hại Nguyễn Thị Thúy A số tiền 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi ngàn đồng), 01 cái ví (bóp) màu hồng đã qua sử dụng.

Đối với 07 tờ vé số trong đó có 02 tờ của chị Thúy A nhưng không nhớ đặc điểm không trúng thưởng, không còn giá trị sử dụng, chuyển lưu giữ theo hồ sơ.

Đối với 05 tờ vé số còn lại, 02 hợp đồng thế chấp tài sản, 02 hợp đồng cầm đồ, không còn giá trị sử dụng, chuyển lưu giữ theo hồ sơ.

Trả lại cho bị cáo Đầm C 01 túi xách tay kiểu nữ, màu hồng, sọc trắng; 01 cái ví màu đỏ đã qua sử dụng,

Trả cho bị cáo Trần Thị Đầm C số tiền 14.323.000 đồng (mười bốn triệu ba trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo biên lai số 0000663 ngày 16/11/2021 Của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, Bến Tre.

Trả lại cho anh Thạch Thái B 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cấp ngày 18/12/2015 mang tên Thạch Thái B và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại LUVIAS F1, màu sơn xanh xám, biển số 83P2-541.57, số khung RLCL1SK10FY033762, số máy 1SK1033773 do anh Thạch Thái B đứng tên chủ sở hữu .

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 ĐTDĐ cảm ứng hiệu HUAWEI màu đỏ, kiểu DUB-LX2, không có sim, số IMEI: 867615045028385 đã qua sử dụng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Phan Thị X, Trần Thị Đầm C mỗi bị cáo phải nộp án phí số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2022). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- VKSND huyện CL;
- Công an huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- TAND tỉnh Bến Tre;VKSND tỉnh
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga